

## **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

#### **1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu**

##### **a) Dự án:**

- Tên dự án: Lựa chọn đơn vị mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của CBCNV Công ty;
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn.

##### **b) Gói thầu:**

- Tên gói thầu: Lựa chọn đơn vị mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của CBCNV Công ty;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước, LCNT qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Tối đa 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Phạm vi công việc của gói thầu: Được nêu tại biểu Mẫu 01A - Phạm vi cung cấp thuộc E-HSMT.
- Địa điểm bàn giao hàng hóa: TP. Hồ Chí Minh

#### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

##### **a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:**

- Nhà thầu phải cam kết trong trường hợp trúng thầu sẽ cung cấp hàng hóa và dịch vụ đúng yêu cầu về số lượng, chất lượng trong hồ sơ mời thầu đồng thời cam kết hàng hóa mới 100%, đảm bảo tiêu chuẩn sản xuất của hãng, sản xuất từ năm 2025 trở về sau.
- Các chỉ tiêu chuẩn kỹ thuật thiết bị trong E-HSMT nêu ra là yêu cầu tối thiểu, nhà thầu có thể chào thiết bị có chỉ tiêu kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn và chứng minh bằng tài liệu cụ thể.

##### **b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:**

Nhà thầu phải lập bảng kê khai các thông số kỹ thuật của thiết bị dự thầu với thiết bị mời thầu, trong đó ghi chú rõ thiết bị có thông số kỹ thuật “tương đương” hoặc “tốt hơn” yêu cầu của HSMT. Trường hợp nhà thầu đề xuất thiết bị có thông số kỹ thuật khác so với yêu cầu của HSMT thì nhà thầu phải giải trình và cam kết về mục đích đề xuất và tính ưu việt thiết bị để bên mời thầu có cơ sở xem xét, đánh giá. Trong trường hợp bất kỳ yêu cầu kỹ thuật nào có chỉ dẫn liên quan đến nhãn hiệu hoặc series/part number hoặc ký hiệu/quy định riêng khác, kích thước... kèm theo thì chỉ mang tính chất tham khảo, nhà thầu có thể chào các loại hình sản phẩm, giải pháp kỹ thuật có tính năng tương đương hoặc tốt hơn.

**Bảng thông số kỹ thuật chi tiết**

<b>I</b>	<b>KÍCH THƯỚC VÀ TRỌNG LƯỢNG</b>	
-	Kích thước tổng thể (DàixRộngxCao)	4,680 x 1,840 x 1,780 mm
-	Khoảng cách hai cầu xe (Chiều dài cơ sở)	2,815 mm
-	Bán kính quay vòng tối thiểu	5,400 mm
-	Khoảng sáng gầm xe	214 mm
<b>II</b>	<b>ĐỘNG CƠ VÀ VẬN HÀNH</b>	
-	Loại động cơ	Xăng Turbo 1.5L MIVEC
-	Công suất cực đại	163PS
-	Mômen xoắn cực đại	250Nm
-	Mức tiêu hao nhiên liệu (Kết hợp/Đô thị/Ngoài đô thị)	7,30/ 9,20/ 6,20 (L/100Km)
-	Hộp số	Hộp số tự động vô cấp
-	Truyền động	Cầu trước chủ động
-	Hệ thống treo trước	Kiểu MacPherson
-	Hệ thống treo sau	Thanh xoắn
-	Kích thước lốp xe trước/sau	225/50R18
-	Phanh trước	Đĩa tản nhiệt
-	Phanh sau	Đĩa
<b>III</b>	<b>NGOẠI THẤT</b>	
-	Màu xe	Màu Đen
-	Hệ thống đèn chiếu sáng phía trước	LED
-	Đèn sương mù phía trước LED	Có
-	Gạt nước kính trước	Gạt mưa phía trước tự động
<b>IV</b>	<b>NỘI THẤT</b>	
-	Màn hình hiển thị đa thông tin	Kiểu kỹ thuật số 8-inch
-	Khởi động bằng nút bấm (OSS)	Có
-	Phanh tay điện tử & Giữ phanh tự động	Có
-	Điều hoà nhiệt độ	Điều hoà tự động, hai vùng độc lập
-	Cửa gió phía sau cho hành khách	Có

-	Chất liệu ghế	Chất liệu ghế da với tính năng giảm hấp thụ nhiệt
-	Ghế người lái	Chỉnh điện 6 hướng
-	Ghế hành khách trước	Chỉnh cơ
-	Đèn nội thất	Đèn viền nội thất 64 màu
-	Hệ thống giải trí (Hệ thống âm thanh)	Màn hình cảm ứng 12.3-inch, hỗ trợ kết nối Apple CarPlay/ Android Auto
-	Số lượng loa	6 loa
<b>V</b>	<b>AN TOÀN</b>	
-	Túi khí an toàn	6
-	Tùy chọn chế độ lái	Đường nhựa (Mới), Tiêu chuẩn, Đường ướt, Đường sỏi, Đường bùn lầy
-	Hệ thống Kiểm soát vào cua chủ động (AYC)	Có
-	Hệ thống kiểm soát hành trình (Cruise Control)	Có
-	Hệ thống cảnh báo điểm mù (BSW)	Có
-	Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi xe (RCTA)	Có
-	Camera lùi	Có
-	Cảm biến trước xe	Có
-	Cảm biến sau xe	Có

- Trong quá trình chào thầu nhà thầu phải ghi rõ ràng và chi tiết ký mã hiệu, chủng loại, hãng chế tạo, nguồn gốc, xuất xứ mà không được ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” nếu ghi thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu sẽ bị đánh giá là không đạt, đặc tính thông số kỹ thuật trong catalogue phải phù hợp với đặc tính thông số yêu cầu.

- Nhà thầu cung cấp các chủng loại thiết bị theo đúng yêu cầu về thông số kỹ thuật theo quy định của E-HSMT hoặc tốt hơn (Nếu chứng minh là tốt hơn, nhà thầu phải đính kèm bảng so sánh giữa thông số kỹ thuật của thiết bị dự thầu và thiết bị mời thầu).

- Nhà thầu phải có bảng so sánh chứng minh tính đáp ứng của các thông số kỹ thuật giữa hàng hóa, thiết bị chào thầu và yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT đầy đủ các nội dung sau:

(1) Thông số kỹ thuật thiết bị, hàng hóa theo E-HSMT.

(2) Thông số kỹ thuật thiết bị, hàng hóa theo E-HSDT (model, ký mã hiệu, hãng sản xuất).

(3) Tham chiếu thông số kỹ thuật thiết bị, hàng hóa theo E-HSMT với hồ sơ, tài liệu kỹ thuật, catalogue của nhà sản xuất. Yêu cầu tham chiếu từng mục thông số kỹ thuật được thể hiện tại trang..., dòng... của hồ sơ, tài liệu kỹ thuật, catalogue.

- Nhãn hiệu, tên nhà sản xuất hàng hóa nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ mang tính tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa, không phải tiêu chuẩn đánh giá, nhà thầu có thể chào hàng hóa của hãng khác có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn các hàng hóa nêu trên về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ. Nhà thầu phải lập bảng liệt kê thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu.

- Catalogue kỹ thuật của hàng hóa (bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt) hoặc tài liệu tương đương phải có đầy đủ thông số kỹ thuật.

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật của hàng hóa dự thầu nêu trong E-HSMT phải thể hiện trên Catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật được công bố công khai trên website của hãng sản xuất (nhà thầu đính kèm đường link để truy cập đến catalogue, tài liệu kỹ thuật). Trường hợp các thông số kỹ thuật không thể hiện trên Catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật được công bố công khai trên website của hãng, nhà thầu phải cam kết và chịu mọi trách nhiệm nếu nhà thầu cung cấp thông tin gian lận.

- Khái niệm “Tương đương” nghĩa là hàng hóa có đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ tương tự với hàng hóa đã nêu.

- Sai số cho phép về kích thước, trọng lượng (nếu có) là  $\pm 5\%$ .

### **1.3. Các yêu cầu khác**

– Cam kết hàng hóa mới 100%.

– Cam kết năm sản xuất: Từ năm 2025 trở về sau.

– Cam kết có xuất xứ, nguồn gốc rõ ràng.

– Cam kết cung cấp đầy đủ giấy tờ hợp lệ kèm theo xe đảm bảo cho việc đăng ký lưu hành xe.

– Cam kết cung cấp đầy đủ các phụ kiện tiêu chuẩn và các phụ kiện khác kèm theo đảm bảo xe hoạt động bình thường.

– Có bản cam kết thu hồi hàng bị lỗi, hàng hóa kém chất lượng không đáp ứng về thông số kỹ thuật hoặc bị hư hỏng trong quá trình nghiệm thu;

– Có cam kết tuân thủ các bước kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Kiểm tra, chạy thử trước khi nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

– Có cam kết có trách nhiệm cử chuyên gia đầy đủ năng lực kinh nghiệm đến hiện trường (tại địa điểm giao hàng) để thực hiện việc bàn giao, hiệu chỉnh, chạy thử thiết bị và huấn luyện cho các nhân viên của bên mua về vận hành, bảo dưỡng thiết bị.

– Thuế GTGT: Nhà thầu khi tham gia dự thầu phải chào giá dự thầu với thuế giá trị gia tăng là 10% theo đúng cơ cấu của giá gói thầu được duyệt.

## **Mục 2. Kiểm tra và thử nghiệm**

– Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Kiểm tra và vận hành thử hàng hóa trước khi nghiệm thu. Kiểm định trong trường hợp có yêu cầu của chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền.

– Chi phí kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa do nhà thầu chịu. Nhà thầu chịu trách nhiệm bồi thường về chất lượng, số lượng hàng hóa của mình không đạt yêu cầu sau khi kiểm tra, thử nghiệm.